

Bản án số: 156/2022/HS-PT
Ngày 22-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài.

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Xuân Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 271/2021/TLPT-HS ngày 22 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Châu Thị B và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo Châu Thị B và các bị cáo khác đối với bản án: 363/2021/HS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Châu Thị B sinh năm 1978 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký tạm trú: 1/122 khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có chồng và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020 được trả tự do cho đến nay.

2. Châu Thị H sinh năm 1986 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký tạm trú: 1/122 khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có chồng và có 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 07 tháng 9 năm 2020 được trả tự do cho đến nay.

3. Nguyễn Phước T sinh năm 1978 tại thành phố Cần Thơ; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã Tr, huyện T, thành phố Cần Thơ; chỗ ở hiện nay: 35 khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hiền L và bà Cao Thị Q; có vợ và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 20 tháng 01 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Đặt tiền bảo đảm tại ngoại đến nay.

4. Nguyễn Thị Th sinh năm 1970 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký tạm trú: 1/79 khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Hà Thị Đ; có chồng và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 07 tháng 9 năm 2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

5. Hồng Văn T sinh năm 1982 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký tạm trú: 9/3 tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồng Văn C (đã chết) và bà Đoàn Thị B (đã chết); có vợ và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 04 tháng 9 năm 2018 bị Công an phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc” theo quyết định số 1042 ngày 04 tháng 9 năm 2018, bị cáo đã nộp phạt; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 07 tháng 9 năm 2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

6. Phan Thị Th sinh năm 1983 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký tạm trú: D4/45 tổ 7, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu R (đã chết) và bà Phan Hồng Y; có chồng và có 03 người con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 12 tháng 12 năm 2013, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020 được trả tự do cho đến nay.

7. Bùi Thị Kim H sinh năm 1979 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: tổ 25, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký tạm trú: 4/115 tổ 6, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; có chồng Trần Thanh P; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020 được trả tự do cho đến nay.

8. Lê Thị Kiều O sinh năm 1970 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh An Giang; nơi đăng ký tạm trú: Nhà trọ Tư M, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Lê Thị T (đã chết); có chồng và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020 được trả tự do cho đến nay.

9. Phan Hồng Y sinh năm 1964 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: 516 ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký tạm trú: 1/122 khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Hồng C (đã chết) và bà Quỳnh Thị N (đã chết); có chồng và có 04 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020 được trả tự do cho đến nay.

10. Ngô Thị Ngọc C sinh năm 1972 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký tạm trú: D4/45 khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn K (đã chết) và bà Trần Thị Đ; có chồng và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020 được trả tự do cho đến nay.

11. Trần Văn H sinh năm 1984 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; nơi đăng ký tạm trú: 459/ khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Võ Thị Kim X; có vợ và có 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020 được trả tự do cho đến nay.

12. Châu Văn X sinh năm 1989 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký tạm trú: 1/122 khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020 được trả tự do cho đến nay.

13. Nguyễn Thị L sinh năm 1967 tại Campuchia; nơi đăng ký thường trú: ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang; nơi đăng ký tạm trú: 340G/2 khu phố 1B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Phan Thị T (đã chết); bị cáo có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020 được trả tự do cho đến nay.

14. Trương Ngọc L sinh năm 1979 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi đăng ký thường trú: tổ 3, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nơi đăng ký tạm trú: 297A khu phố 1A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Vô danh và bà Trương Thị T; có chồng và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020 được trả tự do cho đến nay.

15. Nguyễn Thị Đ sinh năm 1981 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: tổ 9 ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký tạm trú: 1/122 Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Phan Thị R (đã chết); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020 được trả tự do cho đến nay.

Các bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Châu Văn X, Bùi Thị Kim H:* Ông Nguyễn Văn Hoạt, Luật sư của Văn phòng Luật sư Diễm Hương - Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Châu Thị B, Châu Thị H, Trương Ngọc L:* Bà Nguyễn Thị Diễm Hương, Luật sư của Văn phòng Luật sư Diễm Hương - Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L:* Ông Trần Tấn Trí Nhân, Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Tấn Trí Nhân - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Ngoài ra, còn có 08 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 28 tháng 8 năm 2020, Công an phường Thuận Giao đi tuần tra thì phát hiện tại phòng trọ thứ 5 thuộc cơ sở trọ có địa chỉ 1/122 khu phố H, phường T, thành phố T, Bình Dương thuộc sở hữu của bà Phạm Thị N gồm có các bị cáo Nguyễn Phước T, Nguyễn Thị T, Trương Ngọc L, Bùi Thị Kim H, Lê Thị Kiều O, Phan Thị Th, Nguyễn Thị Thanh Th, Ngô Thị Ngọc C, Hồng Văn T, Trần Văn H, Trần Văn T, Phan Hồng Y, Lê Thị N, Châu Văn X, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn K, Võ Quốc T, Châu Thị B, Châu Thị H, Phạm Thị N đang chơi đánh bạc dưới hình thức bài binh Ấn Độ 06 lá thắng thua bằng tiền do Nguyễn Phước T và Nguyễn Thị T cùng nhau làm cái. H và O chơi chung tụ, T và Th chơi chung tụ, C và T chơi chung tụ, H và

T chơi chung tụ. Mỗi ván đặt từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Tại thời điểm bắt quả tang, có một số người đã bỏ về trước đó và một số người chạy thoát được.

Tang vật thu giữ: 02 bộ bài Tây 52 lá. Trong đó: 01 bộ đã qua sử dụng, 01 bộ chưa sử dụng.

Tổng số tiền thu giữ: 38.645.000 đồng. Trong đó: tiền tang tại chiếu bạc 7.562.000 đồng; số tiền thu giữ trong người dùng để đánh bạc là: 16.503.000 đồng.

Số tiền xâu Võ Quốc T thu được ngày 28 tháng 8 năm 2020: 300.000 đồng;

Số tiền thu giữ trong người không dùng để đánh bạc: 14.280.000 đồng. Cụ thể: số tiền 200.000 đồng của Võ Quốc T, 2.010.000 đồng của Bùi Thị Kim H, 8.300.000 đồng của Trương Ngọc L, 600.000 đồng của Ngô Thị Ngọc C, 3.000.000 đồng của Hồng Văn T và 170.000 đồng của Phạm Thị N.

Quá trình điều tra xác định: vào khoảng giữa tháng 08 năm 2020, Võ Quốc T thấy phòng trọ số 5 (tính từ ngoài vào) gần phòng trọ T đang ở tại cơ sở trọ số 1/122 khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương để trống, không khóa và thường có một số đối tượng vào chơi đánh bài nên T đứng ra tổ chức cho các đối tượng đến chơi đánh bạc thắng thua bằng tiền tại phòng trọ số 5. Quá trình tổ chức đánh bạc, T cung cấp bài, đứng bên ngoài phòng trọ để đóng mở khóa cửa và cảnh giới cho các con bạc ra vào phòng tham gia đánh bạc. Châu Thị H có nhiệm vụ ở bên trong phòng để thu tiền xâu và đưa nước uống do Châu Thị B là vợ của T bán ở bên ngoài trước cửa phòng số 5 đưa vào bán cho các con bạc, sau mỗi buổi chơi thì H được trả 50.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo T thu lợi được từ việc thu tiền xâu là 1.200.000 đồng riêng ngày 28 tháng 8 năm 2020 là 300.000 đồng đã bị thu giữ, còn số tiền còn lại đã tiêu xài cá nhân hết. Ngoài ra, còn xác định được bị cáo Phạm Thị N là chủ cơ sở trọ tại địa chỉ 1/122 khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương biết và để cho Võ Quốc T sử dụng phòng trọ số 5 tại cơ sở trọ mình quản lý để tổ chức cho các đối tượng tham gia đánh bạc nhằm thu tiền xâu. Trong quá trình tổ chức đánh bạc trước đó, bị cáo N có tham gia chơi cùng với các bị cáo khác nhưng không xác định được số tiền tham gia đánh bạc. Tại thời điểm bắt quả tang, bị cáo N có mặt tại sòng bạc nhưng không tham gia đánh bạc.

Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 28 tháng 8 năm 2020, các bị cáo Võ Quốc T, Châu Thị B, Châu Thị H tổ chức cho các bị cáo Nguyễn Phước T, Nguyễn Thị T, Trương Ngọc L, Bùi Thị Kim H, Lê Thị Kiều O, Phan Thị T, Nguyễn Thị Thanh T, Ngô Thị Ngọc C, Hồng Văn T, Trần Văn H, Trần Văn T, Phan Hồng Y, Lê Thị N, Châu Văn X, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn K chơi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức bài binh Ấn Độ 06 lá do Nguyễn Phước T và Nguyễn Thị T cùng nhau làm cái tại phòng trọ số 05. Cách thức đánh bạc: Nhà cái sử dụng bộ bài tây, chia mỗi tụ 06 lá, được sắp xếp làm 2 chi, mỗi chi 03 lá bài và tính nút (tính điểm số). Hình thức ăn thua: mỗi ván người chơi đặt từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, ăn thua trực tiếp với nhà cái, cứ từ 05

đến 06 ván bài hoặc nhà cái bão (thắng trắng) thì phải đưa 50.000 đồng tiền xâu cho Trinh.

Quá trình điều tra xác định số tiền đánh bạc cụ thể như sau:

Nguyễn Phước T đem theo 3.000.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, thua 1.600.000 đồng, bị tạm giữ trong người số tiền 1.400.000 đồng.

Nguyễn Thị T đem theo 6.200.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, thua 2.000.000 đồng, bị tạm giữ trong người 4.200.000 đồng.

Trương Ngọc L đem theo 8.300.000 đồng, không dùng để đánh bạc. L phụ giúp nhà cái là T và Th chia bài, bốc bài cho các con bạc.

Bùi Thị Kim H đem theo 2.210.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc, thua 100.000 đồng, bị thu giữ 100.000 tiền tang và 2.010.000 đồng trong người không dùng để đánh bạc.

Lê Thị Kim O đem theo 1.120.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, thua 150.000 đồng, bị thu giữ trong người 970.000 đồng.

Phan Thị T đem theo 1.010.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, thắng 50.000 đồng, bị tạm giữ trong người 960.000 đồng.

Nguyễn Thị Thanh Th đem theo 218.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, thua 200.000 đồng, bị tạm giữ trong người 18.000 đồng.

Ngô Thị Ngọc C mang theo 1.000.000 đồng, sử dụng 400.000 để đánh bạc, không thắng không thua, bị tạm giữ trong người 1.000.000 đồng (trong đó 600.000 đồng tiền cá nhân).

Hồng Văn T mang theo 3.400.000 đồng, sử dụng 400.000 để đánh bạc, thua 200.000, bị thu giữ 200.000 đồng tiền tang và 3.000.000 đồng trong người không dùng để đánh bạc.

Trần Văn H mang theo 1.690.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, thua 200.00 đồng, bị thu giữ trong người 1.490.000 đồng.

Trần Văn T mang theo số tiền 700.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, thua 500.000 đồng, bị thu giữ trong người 200.000 đồng.

Phan Hồng Y mang theo số tiền 500.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, thua 200.000 đồng, bị thu giữ trong người 300.000 đồng;

Lê Thị N mang theo số tiền 300.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, thua 100.000 đồng, bị thu giữ trong người 200.000 đồng;

Châu Văn X mang theo số tiền 2.000.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, thua 650.000 đ, bị thu giữ trong người 1.350.000 đồng;

Nguyễn Thị Đ mang theo số tiền 510.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, thắng 200.000 đồng, bị thu giữ trong người 710.000 đồng;

Nguyễn Thị L mang theo số tiền 1.800.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, thua 300.000 đồng, bị thu giữ trong người 1.500.000 đồng;

Nguyễn Văn L mang theo số tiền 205.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, thua 200.000 đồng, bị thu giữ trong người 5.000 đồng.

Nguyễn Văn K mang theo số tiền 2.750.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc, thắng 50.000 đồng, bị thu giữ trong người 2.800.000 đồng;

Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 24.365.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 363/2021/HS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Châu Thị B 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Châu Thị H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phan Thị T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Hồng Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 07 tháng 09 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 20 tháng 01 năm 2021.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kiều O 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Ngọc C 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Kim H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Phan Hồng Y 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Châu Văn X 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Trương Ngọc L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Phạm Thị N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, xử phạt bị cáo Võ Quốc T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L số tiền 20.000.000 đồng, xử phạt bị cáo Trần Văn T số tiền 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, Châu Thị B, Châu Thị H, Nguyễn Phước T, Trương Ngọc L, Bùi Thị Kim H, Trần Văn H, Lê Thị Kiều O, Châu Văn X, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị L, Ngô Thị Bích C, Phan Thị Y có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 16, 17, 19 tháng 11 năm 2021, Nguyễn Thị T, Hồng Văn T, Phan Thị T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của bị cáo như cấp sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, các bị cáo Châu Thị B và Châu Thị H đồng phạm gián đơn, với vai trò giúp sức cho bị cáo Trinh, cấp sơ thẩm tuyên xử các bị cáo 01 năm 03 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi của các bị cáo. Tuy nhiên, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và đang nuôi con nhỏ độ tuổi đi học, bị cáo Bích có chồng là bị cáo Trinh hiện đang chấp hành án phạt tù, để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo và các bị cáo đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Châu Thị B, Châu Thị H có cơ sở xem xét.

Các bị cáo Nguyễn Thị T và Nguyễn Phước T góp tiền với nhau để làm cái cho các con bạc tham gia đánh bạc được thua bằng tiền, cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt đối với mỗi bị cáo 01 năm 03 tháng tù là phù hợp. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Th và T.

Bị cáo Phan Thị T có nhân thân năm 2013 từng chấp hành án 06 tháng tù treo về tội “Đánh bạc” và bị cáo Hồng Văn T năm 2018 bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nhưng các bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Tuy các bị cáo có nhân thân là từng bị xét xử và xử phạt vi phạm hành chính nhưng trong vụ án này các bị cáo sử dụng số tiền để đánh bạc là không lớn, cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt đối với mỗi bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù là nghiêm khắc. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ 01 phần hình phạt đối với các bị cáo nên kháng cáo của các bị cáo Th và T có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của các bị cáo.

Các bị cáo Phan Hồng Y, Lê Thị Kiều O, Ngô Thị Ngọc C, Trần Văn H, Châu Văn X vai trò đồng phạm nhưng gián đơn, các bị cáo sử dụng số tiền thực hiện hành vi phạm tội không lớn so với tính chất của vụ án nên vai trò của các bị cáo không đáng kể so với các bị cáo khác trong vụ án, do đó mức hình phạt mà cấp sơ thẩm tuyên phạt mỗi bị cáo mức hình phạt 09 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, các bị cáo có nhân thân tốt, có học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng đủ điều kiện hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Do đó, chấp nhận 01 phần kháng cáo của các bị cáo về xin hưởng án treo.

Các bị cáo Bùi Thị Kim H, Nguyễn Thị L, Trương Ngọc L, Nguyễn Thị Đ không trực tiếp đánh tụ riêng mà ké vào các tụ khác với số tiền không lớn và nghĩ trước khi bị phát hiện nên vai trò của các bị cáo không đáng kể trong vụ án, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm tuyên phạt mỗi bị cáo 09 tháng tù là nghiêm khắc so với hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án

tiền sự, bị cáo L đang trực tiếp nuôi 02 con nhỏ, các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị L là con gia đình có công với cách mạng có cha, mẹ là người được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo L, Đ. Việc không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù mà xem xét áp dụng hình phạt tiền cũng đủ răn đe giáo dục các bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo là có căn cứ xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị Kim H, Nguyễn Thị L, Trương Ngọc L, Nguyễn Thị Đ.

Đề nghị xử phạt các bị cáo Châu Thị B và Châu Thị H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Đề nghị xử phạt các bị cáo Phan Hồng Y, Lê Thị Kiều O, Ngô Thị Ngọc C, Trần Văn H, Châu Văn X mỗi bị cáo 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng về tội “Đánh bạc”.

Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Phan Thị T và Hồng Văn T từ 03 (ba) tháng đến 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị xử phạt các bị cáo Bùi Thị Kim H, Nguyễn Thị L, Trương Ngọc L, Nguyễn Thị Đ mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Châu Văn X, Bùi Thị Kim H: trình bày nguyên nhân, điều kiện hoàn cảnh dẫn tới các bị cáo phạm tội, nêu các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, thống nhất quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát đối với các bị cáo. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân, điều kiện hoàn cảnh phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, các bị cáo dùng số tiền đánh bạc không lớn nên có thể xem xét cho bị cáo Châu Văn X được áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền như bị cáo Bùi Thị Kim H mà Viện Kiểm sát đã đề nghị.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Châu Thị B, Châu Thị H, Trương Ngọc L: trình bày nguyên nhân, điều kiện hoàn cảnh phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, thống nhất quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát đối với các bị cáo B, H về cho hưởng án treo, bị cáo Liễu được chuyển qua hình phạt tiền. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và đề nghị của Viện Kiểm sát đối với các bị cáo Châu Thị B, Châu Thị H, Trương Ngọc L.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L: trình bày ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét thì tại cấp phúc thẩm, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới có ông nội là Liệt sĩ, cha, mẹ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì, người bào chữa thống nhất quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo Nguyễn Thị L.

Các bị cáo nói lời sau cùng: mong Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo

của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại cơ sở trọ địa chỉ số 1/122, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Võ Quốc T, Châu Thị B, Châu Thị H đã có hành vi tổ chức cho 18 bị cáo gồm Nguyễn Phước T, Nguyễn Thị T, Trương Ngọc L, Bùi Thị Kim H, Lê Thị Kiều O, Phan Thị T, Nguyễn Thị Thanh T, Ngô Thị Ngọc C, Hồng Văn T, Trần Văn H, Trần Văn T, Phan Hồng Y, Châu Văn X, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn K và Lê Thị N chơi đánh bạc với tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 24.365.000 đồng; bị cáo Phạm Thị N cho các bị cáo Võ Quốc T, Châu Thị B, Châu Thị H sử dụng phòng trọ số 5 của Cơ sở trọ do bị cáo quản lý tổ chức đánh bạc thắng thua bằng tiền. Như vậy, Tòa án nhân dân thành phố T xét xử các bị cáo Nguyễn Phước T, Nguyễn Thị T, Trương Ngọc L, Bùi Thị Kim H, Lê Thị Kiều O, Phan Thị T, Nguyễn Thị Thanh T, Ngô Thị Ngọc C, Hồng Văn T, Trần Văn H, Trần Văn T, Phan Hồng Y, Châu Văn X, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn K và Lê Thị N về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Phạm Thị N, Võ Quốc T, Châu Thị B, Châu Thị H về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi tổ chức đánh bạc của các bị cáo Nguyễn Quốc T, Châu Thị H, Châu Thị B, Phạm Thị N cho trên 10 người đánh bạc và số tiền đánh bạc trong cùng một lúc trên 20.000.000 đồng nên hành vi của các bị cáo phạm vào hai tình tiết định khung quy định tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự nhưng cấp sơ thẩm chỉ áp dụng một tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là không đúng quy định.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc, sát phạt lẫn nhau được, thua bằng tiền là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng vì muốn chiếm đoạt tiền của nhau nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả.

[6] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Các bị cáo Châu Thị B, Châu Thị H kháng cáo, tại cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới. Tuy nhiên, trong vụ án các bị cáo có vai trò không đáng kể chỉ giúp sức cho bị cáo T, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là chưa phù hợp.

Các bị cáo Nguyễn Phước T, Nguyễn Thị T hùn tiền làm cái, thắng thua trực tiếp với người chơi. Tuy nhiên, số tiền dùng vào đánh bạc không lớn, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là chưa phù hợp.

Bị cáo Châu Thị B có chồng là bị cáo Võ Quốc T hiện đang chấp hành hình phạt tù, nếu bắt bị cáo để chấp hành hình phạt tù sẽ gây khó khăn cho bị cáo trong việc nuôi dạy con. Các bị cáo Châu Thị B, Châu Thị H với vai trò đồng phạm giúp sức, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, việc không cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội cũng không gây nguy hiểm cho xã hội và đảm bảo công tác phòng, chống tội phạm tại địa phương, đủ điều kiện hưởng án treo theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Bị cáo Hồng Văn T nhân thân vào năm 2018 bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, bị cáo đã chấp hành xong hiện đã được xóa, bị cáo T nhân thân có một tiền án về tội “Đánh bạc” đã được xóa án tích, các bị cáo sử dụng số tiền vào việc đánh bạc không lớn, việc áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền không ly các bị cáo ra ngoài xã hội cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị L tại cấp phúc thẩm cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, là con gia đình có công với cách mạng, bị cáo Nguyễn Thị L có ông nội là Liệt sĩ và cha được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì, bị cáo Nguyễn Thị Đ có cha, mẹ là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là không phù hợp, quan điểm đề nghị sửa bản án sơ thẩm cho các bị cáo B, H được hưởng án treo và đề nghị chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền và mức đề nghị phạt tiền đối

với cáo bị cáo Bùi Thị Kim H, Nguyễn Thị L, Trương Ngọc L, Nguyễn Thị Đ là phù hợp. Quan điểm của Viện Kiểm sát đề nghị cho các bị cáo Phan Hồng Y, Lê Thị Kiều O, Ngô Thị Ngọc C, Trần Văn H, Châu Văn X được hưởng án treo là chưa phù hợp.

[8] Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo trình bày nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh dẫn tới việc các bị cáo phạm tội và đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo cũng như đề nghị áp dụng hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp.

[9] Về xử lý tiền bảo đảm: bị cáo Nguyễn Phước T bị xử phạt tù có thời hạn nên số tiền bà Trần Thị Tuyết D là vợ của bị cáo Nguyễn Phước T đã đặt bảo đảm theo quyết định số 07/CQĐT (CSHS) ngày 19 tháng 01 năm 2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương tiếp tục được duy trì cho đến khi bị cáo đi chấp hành hình phạt tù theo khoản 4 Điều 9 Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 07 tháng 08 năm 2018 giữa Bộ Công An - Bộ Quốc Phòng - Bộ Tài Chính - Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao - Tòa Án Nhân Dân Tối Cao quy định chi tiết trình tự, thủ tục, mức tiền đặt, việc tạm giữ, hoàn trả, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền đã đặt để bảo đảm.

[10] Các bị cáo được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 363/2021/HS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương về hình phạt.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 20 tháng 01 năm 2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 8 năm 2020.

Căn cứ điểm a, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Châu Thị B 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 22 tháng 7 năm 2022).

Xử phạt bị cáo Châu Thị H 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 22 tháng 7 năm 2022).

Giao các bị cáo Châu Thị B, Châu Thị H về cho Ủy ban nhân dân phường phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phan Thị T 40.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Hồng Văn T 40.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Châu Văn X 40.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kiều O 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Ngọc C 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Kim H 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Phan Hồng Y 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trương Ngọc L 20.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

3. Tiếp tục duy trì việc đặt tiền bảo đảm cho bị cáo Nguyễn Phước T theo Quyết định số 07/CQĐT (CSHS) ngày 19 tháng 01 năm 2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đến khi bị cáo Nguyễn Phước Thiện đi chấp hành hình phạt tù.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

